TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: bà Nguyễn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2023/TLST-HNGĐ, ngày 25/7/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST–HNGĐ, ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đồng Văn Đ – Sinh năm: 1984 - Có mặt.

Địa chỉ: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: bà Bích Lan H – Sinh năm: 1986 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đồng Văn Đ tình bày*:

Về hôn nhân: ông Đ và bà H chung sống với nhau từ năm 2006, đến năm 2013 đi đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận hôn số 101/2013 ngày 17/4/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn P1. Do bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2020 tự ý sống cách xa nhau, trong thời gian này không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện xin ly hôn với bà H.

Về con chung: ông Đ và bà H có hai con chung tên Đồng Nữ Bích H1 – Sinh ngày: 07/01/2007 và Đồng Đại Gia H2 – Sinh ngày: 27-11-2010. Từ khi sống cách xa nhau, ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục con chung. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. *Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Bị đơn được Tòa án thông báo về việc khởi kiện của nguyên đơn, nhưng xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại bản trình bày ngày 20/10/2023, bà H trình bày:

Về hôn nhân: bà H và ông Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2020 đến nay không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: bà H và ông Đ có hai con chung tên Đồng Nữ Bích Huyên – Sinh ngày: 07/01/2007 và Đồng Đại Gia H2 – Sinh ngày: 27-11-2010. Các cháu đang ở với ông Đ, khi ly hôn vợ chồng sẽ thỏa thuận việc nuôi con, nếu không thỏa thuận được đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án được tóm tắt như sau*:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Bị đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" của nguyên đơn ông Đồng Văn Đ đối với bị đơn bà bà Bích Lan H; ông Đồng Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Bích Lan H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà Bích Lan H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn có đủ cơ sở xác định: Do bất đồng quan điểm sống nên hôn nhân giữa ông Đ và bà H không hạnh phúc, tự ý sống cách xa nhau từ năm 2020.

Xét việc tự ý sống cách xa nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Đ khởi kiện được ly hôn với bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Từ khi sống cách xa nhau, ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đồng Nữ Bích H1 – Sinh ngày: 07/01/2007 và Đồng Đại Gia H2 – Sinh ngày: 27-11-2010, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Tại thời điểm xét xử, ông Đ đủ điều kiện để tiếp tục chăm sóc, giáo dục con chung. Mặt khác, các con chung đều có nguyện vọng được ở với ông Đ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, giao con chung cho ông Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Đ không có yêu cầu nên không xem xét. Quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của người không trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, số tiền án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận cho ông Đồng Văn Đ được ly hôn với bà Bích Lan H.

2. Giao con chung là cháu: Đồng Nữ Bích H1 – Sinh ngày: 07/01/2007 và Đồng Đại Gia H2 – Sinh ngày: 27-11-2010 cho ông Đồng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: ông Đồng Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Đồng Văn Đ đã nộp theo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008295 ngày 24/7/2023, ông Đồng Văn Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 24/01/2024). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn P1;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Y Phạm Ngọc Minh	**Trần Văn Tùng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Phước Hữu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng

Lê Thị Hường Phạm Ngọc Minh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Phước Sơn, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyên N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hàn nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vằng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của

Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Lyhôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-204 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẩn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.